



SÔNG ĐÀ 11

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11
Tel: 0433 544 735 Fax: 0433 542 280
=====

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

QUÝ I VÀ LŨY KẾ 31/03/2017

HÀ NỘI THÁNG 4 NĂM 2017



TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CÔNG TY MẸ

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

TT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140)	100		514.708.107.665	477.219.509.965
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	181.315.259.362	168.376.737.626
1	Tiền	111		11.315.259.362	108.376.737.626
2	Các khoản tương đương tiền	112		170.000.000.000	60.000.000.000
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		12.545.806.365	12.545.806.365
1	Chứng khoán kinh doanh	121	V.2	14.476.266.000	14.476.266.000
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		(1.930.459.635)	(1.930.459.635)
3	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		220.237.093.007	209.362.018.969
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	184.360.515.827	191.887.085.815
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	13.502.809.381	4.710.508.285
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	134		-	-
5	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		9.250.000.000	500.000.000
6	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	50.235.317.128	43.814.692.389
7	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(37.168.818.064)	(31.550.267.520)
8	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		57.268.735	-
IV	Hàng tồn kho	140		98.337.305.195	85.171.166.517
1	Hàng tồn kho	141	V.7	98.337.305.195	85.171.166.517
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		2.272.643.736	1.763.780.488
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	32.738.134	59.480.101
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.634.385.431	1.562.337.176
3	Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	153		605.520.171	141.963.211
4	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154		-	-
5	Tài sản ngắn hạn khác	155	V.9	-	-
B	TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+280)	200	-	300.896.163.606	316.400.884.972
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		13.188.920.253	19.185.963.470
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.10	13.188.920.253	19.185.963.470

2	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4	Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
5	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II	Tài sản cố định	220		83.860.238.938	86.233.978.659
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	83.373.618.938	85.747.358.659
	- Nguyên giá	222		179.138.053.146	179.138.053.146
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(95.764.434.208)	(93.390.694.487)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3	Tài sản cố định vô hình	227	V.12	486.620.000	486.620.000
	- Nguyên giá	228		486.620.000	486.620.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III	Bất động sản đầu tư	230		-	-
	- Nguyên giá	231		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1	Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241		-	-
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V	Đầu tư tài chính dài hạn	250		202.148.902.312	210.196.893.145
1	Đầu tư vào công ty con	251	V.14	211.394.404.720	215.576.994.720
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	-	-
3	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.16	-	-
4	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(9.245.502.408)	(5.380.101.575)
5	Đầu tư tài chính đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI	Tài sản dài hạn khác	260		1.698.102.103	784.049.698
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.17	1.698.102.103	784.049.698
2	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4	Tài sản dài hạn khác	268	V.18	-	-
5	Lợi thuế thương mại	269		-	-

	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		815.604.271.271	793.620.394.937
TT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
C	NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		495.213.921.608	476.050.289.273
I	Nợ ngắn hạn	310		388.583.627.714	422.668.608.238
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.20	66.475.476.373	53.147.632.432
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.21	63.185.573.057	43.078.514.531
3	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.22	6.860.079.700	13.798.799.951
4	Phải trả người lao động	314		16.763.702.002	11.469.231.813
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.23	7.802.972.541	15.612.901.456
6	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	V.23	-	-
7	Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	317		-	
8	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	
9	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.24	30.886.709.414	85.402.303.898
10	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		190.471.570.685	193.781.280.215
11	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		4.708.562.688	4.708.562.688
12	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.428.981.254	1.669.381.254
13	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324		-	-
II	Nợ dài hạn	330		106.630.293.894	53.381.681.035
1	Phải trả dài hạn người bán	331	V.26	10.750.280.025	7.783.336.738
2	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3	Chi phí phải trả dài hạn	333	V.27	-	-
4	Phải trả nội bộ dài hạn	334	V.28	-	-
5	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		202.250.000	202.250.000
7	Phải trả dài hạn khác	337		500.000.000	1.000.000.000
8	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		53.062.744.784	5.662.744.784
9	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12	Dự phòng phải trả dài hạn	342		42.115.019.085	38.733.349.513
13	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		320.390.349.663	317.570.105.664
I	Vốn chủ sở hữu	410	V.31	320.390.349.663	317.570.105.664
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		115.531.050.000	115.531.050.000
	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		115.531.050.000	115.531.050.000

	Cổ phiếu ưu đãi	411b	-	
2	Thặng dư vốn cổ phần	412	34.366.527.623	34.366.527.623
3	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	-	-
4	Vốn khác của chủ sở hữu	414	-	-
5	Cổ phiếu quỹ (*)	415	-	-
6	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	-	-
7	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	-	-
8	Quỹ đầu tư phát triển	418	127.652.984.979	127.652.984.979
9	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	-	-
10	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-	-
11	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	42.839.787.061	40.019.543.062
	- Lợi nhuận năm trước	421a	40.019.543.062	40.019.543.062
	- Lợi nhuận năm nay	421b	2.820.243.999	
12	Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	-	
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
1	Nguồn kinh phí	431	-	
2	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440	815.604.271.271	793.620.394.937

Lập biểu

Phạm Thị Dung

Phạm Thị Dung

Kế toán trưởng

Trần Văn Ngự

Trần Văn Ngự

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2017

Tổng giám đốc



Lê Văn Tuấn

Lê Văn Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH CÔNG TY MẸ

Quý I & lũy kế năm 2017

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	QUÝ I/2017	QUÝ I/2016	LUYỆN KẾ ĐẾN 31/03/2017	LUYỆN KẾ ĐẾN 31/03/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	92.607.230.572	210.625.951.943	92.607.230.572	210.625.951.943
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2				0	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10		92.607.230.572	210.625.951.943	92.607.230.572	210.625.951.943
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	69.826.504.759	191.008.173.944	69.826.504.759	191.008.173.944
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		22.780.725.813	19.617.777.999	22.780.725.813	19.617.777.999
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.266.347.647	818.867.638	2.266.347.647	818.867.638
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	7.084.771.410	8.544.148.958	7.084.771.410	8.544.148.958
Trong đó: Chi phí lãi vay			2.553.762.034	1.340.372.779	2.553.762.034	1.340.372.779
8. Chi phí bán hàng	24		0	0	0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	15.113.482.787	8.820.240.494	15.113.482.787	8.820.240.494
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.848.819.263	3.072.256.185	2.848.819.263	3.072.256.185
11. Thu nhập khác	31	VI.6	0	137.595.454	0	137.595.454
12. Chi phí khác	32	VI.7	28.575.264	314.748.327	28.575.264	314.748.327
13. Lợi nhuận khác	40		-28.575.264	-177.152.873	-28.575.264	-177.152.873
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.820.243.999	2.895.103.312	2.820.243.999	2.895.103.312
15. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	VI.30	0	0	0	0
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	V.21	0	0	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.820.243.999	2.895.103.312	2.820.243.999	2.895.103.312
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8				
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phạm Thị Dung

Phạm Thị Dung

Trần Văn Ngư

Trần Văn Ngư



Lưu chuyển tiền tệ
Lũy kế đến 31/03/2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế đến 31/03/2017	Lũy kế đến 31/03/2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	116.134.163.933	174.887.641.532
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	-18.769.406.583	-184.569.970.476
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	-239.401.095	-21.394.421.492
4. Tiền chi trả lãi vay	4	-2.553.762.034	-1.667.690.695
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	-7.824.508.658	-11.763.439.474
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	84.700.000	0
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	-52.521.248.594	-473.365.784
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	34.310.536.969	-44.981.246.389
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	0	-273.590.568
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn	22	0	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-140.200.000.000	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	131.450.000.000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-1.225.000.000	-2.500.000.000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.204.762.919	661.526.276
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	-8.770.237.081	-2.112.064.292
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	0	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32	0	0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	80.874.059.194	4.476.499.510
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-84.183.768.724	-41.761.806.464
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-11.446.545.400	-11.441.586.400
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-14.756.254.930	-48.726.893.354
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	10.784.044.958	-95.820.204.035
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	170.531.208.177	170.531.208.177
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	6.227	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	181.315.259.362	74.711.004.142

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2017

Lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc







Phạm Thị Dung

Trần Văn Ngự

Lê Văn Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây lắp và sản xuất điện thương phẩm.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Xây dựng các công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông, bưu điện; Xây lắp hệ thống đường dây tải điện, trạm biến áp đến cấp điện áp 500 KV; Quản lý, vận hành, phân phối điện nước cho các công trình; Sản xuất kinh doanh kim khí, các sản phẩm về cơ khí, quản lý và kinh doanh bán điện; Xây lắp, thí nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng, lắp ráp tủ bảng điện công nghiệp cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyền công nghệ có cấp điện áp đến 500KV; Khai thác cát sỏi, đá làm đường và xây dựng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	BT3-Vị trí 24, KĐT Xa La, phường Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	Xây dựng công trình điện	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông	Bản Tin Tộc, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	Sản xuất điện thương phẩm	70,00%	70,00%	70,00%
Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn	Số nhà 182, đường Trần Hưng Đạo, tổ 5, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang	Sản xuất điện thương phẩm	56,71%	56,71%	56,71%
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoà	138 Tôn Đức Thắng, Phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Sản xuất điện thương phẩm	65,10%	65,10%	65,10%
Công ty Cổ phần Thủy điện Đak Gle	Làng Đăk Nhoong, xã Đăk Nhoong, huyện Đăk Gle, tỉnh Kon Tum	Sản xuất điện thương phẩm	100%	65,00%	65,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Sông Đà 11.1 thuộc Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại Hòa Bình	Xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11.5	Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại Miền Nam	Lô 74-76C, KP3, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Nhà Máy thủy điện Thác Trắng	Xã Nà Nhạn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên

6. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. **Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 780 cán bộ nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.373 nhân viên trong đó lao động thời vụ là 836 lao động).

II. **NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

1. **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. **CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. **CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

+ Đối với công trình đầu thầu, Công ty xác định được giá thành nội bộ:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Chi phí sản xuất} & & \text{Chi phí sản xuất} & & \text{Chi phí sản xuất} & & \text{Giá vốn} \\ \text{kinh doanh dở dang} & = & \text{kinh doanh dở dang} & + & \text{kinh doanh phát sinh} & - & \text{hàng bán} \\ \text{cuối kỳ} & & \text{đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{trong kỳ} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{ccccc} \text{Giá vốn hàng bán} & & \text{Giá thành nội bộ} & & \\ \text{trong kỳ} & = & \text{Tổng doanh thu} & \times & \text{Doanh thu ghi nhận trong kỳ} \end{array}$$

+ Đối với các công trình khác

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ	=	Giá trị sản lượng dở dang cuối kỳ	-	Thu nhập chịu thuế tính trước	-	Các khoản phụ phí (nếu có)	-	Chi phí quản lý ước tính	-	Lãi vay ước tính (nếu có)
---	---	---	---	-------------------------------------	---	----------------------------------	---	--------------------------------	---	---------------------------------

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25
Máy móc và thiết bị	3 – 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5

Riêng máy móc thiết bị của nhà máy thủy điện Thác Tráng được khấu hao theo phương pháp sản lượng.

9. Tài sản cố định vô hình

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty là dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành bằng 2,5% - 5% trên giá trị công trình hoàn thành. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên tỷ lệ giữ lại bảo hành theo điều khoản hợp đồng xây dựng. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

16. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

22. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.964.978.471	1.069.111.097
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.350.280.891	107.307.626.529
Các khoản tương đương tiền	170.000.000.000	60.000.000.000
<i>Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i>		
Cộng	181.315.259.362	168.376.737.626

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà						
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7	5.952.000.000		(267.701.635)	5.952.000.000		(267.701.635)
Công ty Cổ phần Sông Đà - Hà Nội	1.797.000.000	179.700.000	(1.617.300.000)	1.797.000.000	179.700.000	(1.617.300.000)
Ngân hàng TMCP Quân đội	6.727.266.000	6.681.808.000	(45.458.000)	6.727.266.000	6.681.808.000	(45.458.000)
Cộng	14.476.266.000		(1.930.459.635)	14.476.266.000		(1.930.459.635)

Lý do thay đổi chứng khoán kinh doanh:

Cổ phiếu Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà giảm do hoán đổi 1.000.000 cổ phiếu tương ứng với 454.545 cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội để sáp nhập Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà (SDFC) vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MB) theo tỷ lệ 2,2 : 1 (2,2 cổ phiếu SDF hoán đổi thành 01 cổ phiếu MBB). Cổ phiếu của MB nắm giữ tại ngày kết thúc kỳ tài chính là 477.272 cổ phiếu.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(1.930.459.635)	(6.231.091.635)
Trích lập dự phòng bổ sung		(99.368.000)
Hoàn nhập dự phòng		1.127.266.000
Sử dụng dự phòng		3.272.734.000
Số cuối năm	(1.930.459.635)	(1.930.459.635)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con						
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long ⁽ⁱ⁾	47.381.773.480			47.381.773.480		
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông ⁽ⁱⁱ⁾	57.250.000.000	(5.781.225.692)		57.250.000.000	(1.915.824.859)	
Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn ⁽ⁱⁱⁱ⁾	35.594.689.000	(3.464.276.716)		35.594.689.000	(3.464.276.716)	
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Đoa ^(iv)	72.350.532.240		73.002.465.000	72.350.532.240		73.002.465.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Glei ^(v)	4.225.000.000			3.000.000.000		
Cộng	211.394.404.720	(9.245.502.408)		215.576.994.720	(5.380.101.575)	

- (i) Trong năm 2013, Công ty hoàn thành sáp nhập Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long và tổ chức lại thành Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long do Công ty Cổ phần Sông Đà 11 làm chủ sở hữu theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0106408857 ngày 31 tháng 12 năm 2013. Vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long là 50 tỷ. Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5500378582, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 04 tháng 9 năm 2013 của Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông 56.000.000.000 VND, tương đương 70% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty đã đầu tư thêm 34.380.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 5.600.000 cổ phiếu, tương đương 70% vốn thực góp của Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông.
- (iii) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 3.548.576 cổ phiếu, tương đương 56,71% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn.
- (iv) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 5.407.590 cổ phiếu, tương đương 65,1% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Đoa.
- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6101207604, ngày 10 tháng 5 năm 2016 của Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Glei do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Glei 42.250.000.000 VND, tương đương 65% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 4.225.000.000 VND tương đương 7,10% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Glei là 38.000.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con

Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Glei mới thành lập, đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông đã thực hiện xong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản và bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Các công ty con khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(5.380.101.575)	(8.419.819.770)
Trích lập dự phòng bổ sung	(3.865.400.833)	(1.915.824.859)
Hoàn nhập dự phòng		4.955.543.054
Số cuối năm	(9.245.502.408)	(5.380.101.575)

Giao dịch với các công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	Quý này Năm nay	Quý này Năm trước
Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông (To Buông)		
Ứng trước về giá trị công trình xây dựng		
Trả tiền gốc vay	131.450.000.000	
Lãi vay To Buông phải trả	991.926.667	
Góp vốn điều lệ bằng tiền		2.500.000.000
Doanh thu hoạt động xây dựng		
Cho To Buông vay	138.000.000.000	

Công ty TNHH Một thành viên Sông Đà 11 - Thăng Long

Giao dịch bán hàng

Doanh thu bán vật tư, thu phí tiếp địa, bảo hiểm	27.699.333	17.078.360
Doanh thu cước vận chuyển bị cắt giảm		-304.327.818
Thu phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng	61.133.882	141.657.306

Giao dịch mua hàng

Chi phí xây lắp hoàn thành	265.990.713	13.344.687.111
----------------------------	-------------	----------------

Giao dịch khác

Cổ tức được chia	1.200.000.000	
Tiền cho vay		

Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn (Bát

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Quý này Năm nay</u>	<u>Quý này Năm trước</u>
Đại Sơn)		
Chuyển công nợ phải thu thành vốn góp tại Bát Đại Sơn		
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoạ (Đắc Đoạ)		
Lãi vay phải trả	188.034.788	
Vay vốn lưu động	22.778.906.943	
Thu hồi tiền cho vay		
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Glei		
Góp vốn điều lệ bằng tiền	1.225.000.000	
Cho vay	1.000.000.000	
3. Phải thu của khách hàng		
3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>73.435.492.508</i>	<i>92.493.823.542</i>
Tổng Công ty Sông Đà	67.215.088.479	87.265.346.180
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long		
Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông	6.220.404.029	5.228.477.362
Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn	-	
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoạ		
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>104.927.980.102</i>	<i>99.393.262.273</i>
Công ty Cổ phần Thủy điện Nho Quế 1	2.770.569.544	9.575.822.285
BQL Dự án các Công trình điện Miền Bắc	19.531.075.761	8.247.258.373
BQL Dự án các Công trình điện Miền Nam	-	7.873.278.985
BQL Dự án các Công trình điện Miền Trung	10.646.107.263	5.544.137.066
Công ty Cổ phần Cơ khí thiết bị điện Hà Nội	14.596.707.858	14.596.707.858
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên - Sông Đà 7		6.536.051.748
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh	9.725.892.345	4.943.275.697
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He	1.326.185.000	1.326.185.000
Phải thu khách hàng khác	55.110.575.663	40.750.545.261
Cộng	184.360.515.827	191.887.085.815
3b. Phải thu dài hạn của khách hàng		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>		<i>9.388.064.477</i>
Tổng Công ty Sông Đà		9.388.064.477
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>13.188.920.253</i>	<i>9.797.898.993</i>
BQL Dự án các Công trình điện Miền Bắc		1.936.348.136
BQL Dự án các Công trình điện Miền Trung	7.797.372.460	3.078.934.209
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Drink		4.782.616.648
Phải thu khách hàng khác	5.391.547.793	-
Cộng	13.188.920.253	19.185.963.470

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	4.882.653.487	1.283.814.716
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	4.882.653.487	1.283.814.716
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	8.620.155.894	3.426.693.569
Công ty Cấp điện lực Kevin Việt Nam	-	-
Công ty Giải pháp Năng lượng Việt	-	-
Công ty TNHH MTV Hùng Việt Phát Na	713.731.063	1.410.508.447
Các nhà cung cấp khác	7.906.424.831	2.016.185.122
Cộng	13.502.809.381	4.710.508.285

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	9.250.000.000	500.000.000
Công ty TNHH MTV SĐĐ 11 T.Long	1.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông	1.000.000.000	500.000.000
Công ty cổ phần thủy điện Đăk Glei	7.050.000.000	-
Cộng	9.250.000.000	500.000.000

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	3.088.645.847		7.763.867.188	
Công ty TNHH Một thành viên Sông Đà 11 Thăng Long	2.416.894.954		7.092.116.295	
Tổng công ty Sông Đà	671.750.893		671.750.893	
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	47.146.671.281	(695.750.000)	36.050.825.201	(695.750.000)
Tạm ứng	28.228.118.610		19.161.822.353	
Phải thu của CBCNV	1.207.837.839		791.188.056	
Phải thu các đội công trình	3.647.724.460		237.602.788	
Tiền cổ tức phải thu	695.750.000	(695.750.000)	695.750.000	(695.750.000)
Phải thu tiền đền bù GPMB chi hộ chủ đầu tư	10.468.737.752		12.586.018.544	
Thuế GTGT chưa được khấu trừ	261.396.045		267.337.754	
Ký quỹ	2.105.291.714		1.791.291.714	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	531.814.861		519.813.992	
Cộng	50.235.317.128	(695.750.000)	43.814.692.389	(695.750.000)

6b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc Giá trị có thể thu hồi
Các bên liên quan				
Tổng Công ty Sông Đà		23.118.095.254 12.690.813.697		8.171.593.096 2.228.262.186
Dưới 1 năm		14.946.502.158 10.462.551.511		
Từ 2 đến 3 năm		7.427.540.619 2.228.262.186	Từ 2 đến 3 năm	7.427.540.619 2.228.262.186
Trên 3 năm		744.052.477	Trên 3 năm	744.052.477
Các tổ chức và cá nhân khác		29.198.723.831 2.398.930.678		29.198.723.831 3.591.787.221
Công ty Cổ phần Cơ khí và thiết bị điện Hà Nội	Trên 3 năm	12.156.428.764	Trên 3 năm	12.156.428.764
Công ty Cổ phần năng lượng Sơn Vũ	Trên 3 năm	3.645.678.449	Trên 3 năm	3.645.678.449
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 2	Từ 1 đến 2 năm	1.965.249.110 982.624.555	Từ 1 đến 2 năm	1.965.249.110 982.624.555
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh	Từ 2 đến 3 năm	3.976.188.479 58.256.646	Từ 2 đến 3 năm	3.976.188.479 1.192.856.543
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác		7.455.179.029 1.416.306.123		7.455.179.029 1.416.306.123
Cộng		52.316.819.085 15.089.744.375		37.370.316.927 5.820.049.407

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(31.550.267.520)	(24.490.623.982)
Trích lập dự phòng bổ sung	(5.618.550.544)	(14.404.192.342)
Hoàn nhập dự phòng	-	7.344.548.804
Số cuối năm	(37.168.818.064)	(31.550.267.520)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	11.998.012.024		15.658.626.941	
Công cụ, dụng cụ	1.279.826.291		1.279.912.033	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	85.059.466.880		68.232.627.543	
Cộng	98.337.305.195		85.171.166.517	

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước ngắn/dài hạn

Là các khoản chi phí công cụ dụng cụ còn phải phân bổ.

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	81.815.761.861	76.283.258.516	20.217.588.660	821.444.109	179.138.053.146
Mua trong năm					
Thanh lý, nhượng bán					
Số cuối năm	81.815.761.861	76.283.258.516	20.217.588.660	821.444.109	179.138.053.146
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	413.956.007	15.397.350.759	10.779.151.031	471.693.636	27.062.151.433
Chờ thanh lý					
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	30.869.667.015	43.371.709.735	18.597.099.963	552.217.774	93.390.694.487
Khấu hao trong năm	911.852.622	1.241.059.147	192.478.690	28.349.262	2.373.739.721
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối năm	31.781.519.637	44.612.768.882	18.789.578.653	580.567.036	95.764.434.208
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	50.946.094.846	32.911.548.781	1.620.488.697	269.226.335	85.747.358.659
Số cuối năm	50.034.242.224	31.670.489.634	1.428.010.007	240.877.073	83.373.618.938
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng					
Đang chờ thanh lý					

Một số tài sản cố định đang được thế chấp cho các khoản vay trung và dài hạn tại ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam chi nhánh Bắc Hà.

11. Tài sản cố định vô hình

Là quyền sử dụng đất không thời hạn.

12. Phải trả người bán

12a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	23.311.828.556	8.703.936.097
Tổng Công ty Sông Đà	-	-
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	18.144.752.005	1.877.027.469
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông		
Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Sông Đà	5.167.076.551	6.826.908.628

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>46.130.591.104</i>	<i>44.443.696.335</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka	1.444.875.247	1.444.875.265
Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà	3.558.568.554	4.558.568.554
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Khánh Hưng	313.000.148	3.790.357.494
Công ty TNHH Cấp Điện lực Kevin - Việt Nam	1.444.875.247	1.444.875.247
Công ty Cổ phần Thành Long	8.976.313.907	5.223.112.593
Các nhà cung cấp khác	27.739.014.862	27.981.907.182
Cộng	<u>66.475.476.373</u>	<u>53.147.632.432</u>

12b. Phải trả người bán dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>1.955.853.524</i>	<i>1.303.902.350</i>
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long		
Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Sông Đà	1.955.853.524	1.303.902.350
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>8.794.426.501</i>	<i>6.479.434.388</i>
Công ty TNHH Bê tông đúc sẵn & Cơ khí Bình Dương	607.934.880	1.607.934.880
Công ty Cổ phần Ống sợi thủy tinh Nghi Sơn		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Khánh Hưng	291.986.169	1.307.628.514
Công ty TNHH Minh Bảo Quảng Ninh	198.819.928	698.819.928
Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà	460.066.175	460.066.175
Các nhà cung cấp khác	7.235.619.349	2.404.984.891
Cộng	<u>10.750.280.025</u>	<u>7.783.336.738</u>

12c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>5.384.718.210</i>	<i>5.384.718.210</i>
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long		5.384.718.210
Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông	5.384.718.210	
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>57.800.854.847</i>	<i>37.693.796.321</i>
BQL Dự án các công trình điện Miền Nam	19.557.229.552	14.320.067.554
BQL Dự án các công trình điện Miền Bắc	11.805.589.672	13.960.187.719
BQL Dự án các công trình điện Miền Trung	3.192.827.980	1.592.760.354
BQL ĐTPT các cụm, điểm Công nghiệp, Tiểu thủ công nghiệp	1.273.184.000	1.273.184.000
Ban QLDA nhiệt điện I	18.600.000.000	-
Công ty TNHH Xây dựng Hòa An	-	5.000.000.000
Các khách hàng khác	3.372.023.643	1.547.596.694
Cộng	<u>63.185.573.057</u>	<u>43.078.514.531</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm	
				Số phải nộp	Số phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.047.950.981	4.540.958.713	(4.316.368.468)	4.272.541.226	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.252.973.391	-	(7.824.508.658)		571.535.267
Thuế thu nhập cá nhân	170.686.948	559.187.964	(680.329.873)	49.545.039	33.984.904
Thuế tài nguyên	253.824.265	619.252.473	(469.962.880)	403.113.858	
Thuế bảo vệ môi trường	226.298.740	121.533.360	(125.057.297)	222.774.803	
Các loại thuế khác	1.847.065.626	65.039.148		1.912.104.774	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-			-	
Cộng	13.798.799.951	5.905.971.658	(13.416.227.176)	6.860.079.700	605.520.171

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động xây lắp, điện thương phẩm, đá thành phẩm, vật tư 10%
- Hoạt động cung cấp nước sạch 5%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 3758 ngày 07 tháng 06 năm 2005 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty được hưởng ưu đãi thuế TNDN cho dự án đầu tư mở rộng tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (Dự án đầu tư công trình Thủy điện Thác Trắng). Công ty áp dụng ưu đãi thuế theo điểm 6, điều 36 Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp: Dự án đầu tư thuộc ngành nghề, lĩnh vực quy định tại Danh mục B Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 09 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư và thực hiện tại địa bàn quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. Theo đó, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ nhà máy thủy điện Thác Trắng trong 04 năm kể từ năm 2012 đến năm 2015 và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 07 năm tiếp theo (từ năm 2016 đến năm 2023).

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 22%).

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Quý này Năm nay	Quý này Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.820.243.999	2.895.103.312
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	66.770.906	241.571.892
- Các khoản điều chỉnh tăng	66.770.906	241.571.892
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập chịu thuế	2.887.014.905	3.136.675.204
Thu nhập được miễn thuế	(3.356.966.505)	(3.240.462.292)
Lỗ các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	(469.951.600)	(103.787.089)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>		
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm</i>		
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>		
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp		

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp của từng hoạt động trong năm nay như sau:

	Các hoạt động khác	Nhà máy thủy điện Thác Trắng	Tổng cộng
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(3.893.689.010)	6.713.933.009	2.820.243.999
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	66.770.906	-	66.770.906
- Các khoản điều chỉnh tăng	66.770.906	-	66.770.906
<i>Tiền phạt thuế, BHXH</i>	23.990.528		23.990.528
<i>Thù lao HĐQT không điều hành</i>	24.000.000		24.000.000
<i>Chi phí khấu hao không được duyệt</i>	18.780.378		18.780.378
<i>Chi phí khác</i>	-		-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-	-
Thu nhập chịu thuế	(3.826.918.105)	6.713.933.009	2.887.014.905
Thu nhập được miễn thuế			-
Thu nhập tính thuế	(3.826.918.105)	6.713.933.009	2.887.014.905
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%	20%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	(765.383.621)	1.342.786.602	577.402.981
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm</i>		(671.393.301)	(671.393.301)
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>			
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp			

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá nguyên liệu với mức 5% giá tính thuế (x) sản lượng đá khai thác trong kỳ, hoạt động khai thác nước thiên nhiên dùng để sản xuất thủy điện với mức 4% trên giá tính thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
Tổng Công ty Sông Đà - Chi phí thuê nhà xưởng		
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	7.802.972.541	15.612.901.456
Trích trước chi phí các công trình	7.802.972.541	15.350.067.864
Phải trả tiền thuê máy móc phải trả	-	
Chi phí lãi vay phải trả		262.833.592
Cộng	7.802.972.541	15.612.901.456

16. Phải trả khác

16a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
Tổng Công ty Sông Đà - tiền Jurong Engineering Limited trả		
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	30.886.709.414	85.402.303.898
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	1.289.474.618	109.412.351
Kinh phí công đoàn	474.660.051	521.042.551
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	490.682.523	11.937.227.923
Tiền ủy thác góp vốn của CBNV	2.022.500.000	2.022.500.000
Phải trả các đội thi công tiền khoán công trình	8.161.554.117	36.224.084.227
Tiền đền bù giải phóng mặt bằng trả hộ chủ đầu tư	820.850.806	918.260.306
BQLDA các công trình điện Miền Trung (công trình đường dây 500 KV Mỹ Phước- Cầu Bông)	3.638.153.035	2.638.153.035
BQLDA các công trình điện Miền Bắc (công trình đường dây 220KV Trục Ninh - Nam Định)	9.830.033.621	8.936.394.202
TCT phát triển đường cao tốc Việt Nam (công trình đường dây 500 KV Đà Nẵng - Quảng Ngãi)	-	7.870.932.623
Công ty Cổ phần Lắp máy và Xây dựng Điện	-	8.841.090.028
Các khoản phải trả khác	4.158.800.643	4.883.206.652
Cộng	30.886.709.414	85.402.303.898

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

16b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	500.000.000	1.000.000.000
Tiền ủng hộ người nghèo tỉnh Sơn La	500.000.000	500.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược		500.000.000
Cộng	500.000.000	1.000.000.000

16c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

17. Vay**17a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bùng		
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng ⁽ⁱ⁾</i>	168.992.663.742	190.181.280.215
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	78.666.631.702	47.415.447.896
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung	9.009.744.498	42.900.706.567
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ	81.316.287.542	99.865.125.752
<i>Vay ngắn hạn Cty CP thủy điện Đăk Đoa ⁽ⁱⁱ⁾</i>	18.778.906.943	
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.17b)</i>	2.700.000.000	3.600.000.000
Cộng	190.471.570.685	193.781.280.215

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

(i) Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng để bổ sung vốn lưu động với lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ, từng kế ước nhận nợ, thời hạn vay không quá 12 tháng.

(ii) Các khoản vay ngắn hạn Cty CP thủy điện Đăk Đoa để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 7,5%/năm thời hạn vay không quá 12 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	190.181.280.215	58.095.152.251		(79.283.768.724)	168.992.663.742
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	-	22.778.906.943		(4.000.000.000)	18.778.906.943

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay dài hạn đến hạn trả	3.600.000.000			(900.000.000)	2.700.000.000
Cộng	193.781.280.215	80.874.059.194	-	(84.183.768.724)	190.471.570.685

17b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
+ BIDV Chi nhánh Hà Tây ⁽ⁱ⁾	3.062.882.087	3.062.882.087
+ BIDV Chi nhánh Bắc Hà ⁽ⁱⁱ⁾	2.599.862.697	2.599.862.697
+ VCB Chi nhánh Gia Lai ⁽ⁱⁱⁱ⁾	47.400.000.000	
Cộng	53.062.744.784	5.662.744.784

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây theo Hợp đồng tín dụng hạn số 01/2014/HĐTD ngày 14/5/2014, thời hạn vay 60 tháng, vay để thanh toán tiền mua máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư nâng cao năng lực xe máy thiết bị phục vụ thi công xây lắp và hợp đồng tín dụng số 02/2015/177782/HĐTD ngày 08/06/2015, thời hạn vay 60 tháng, vay để thanh toán tiền mua máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư nâng cao năng lực xe máy thiết bị phục vụ thi công xây lắp năm 2015.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Hà theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 02/2012/HĐTD, vay để thực hiện dự án đầu tư mua sàn tầng 7- Tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông.

(iii) Khoản vay Ngân hàng VCB – Chi nhánh Gia Lai theo Hợp đồng tín dụng dự án đầu tư số 36/16/NHNT ngày 28/12/2016 thời hạn vay 120 tháng được thế chấp bằng toàn bộ tài sản Nhà máy thủy điện Thác Trắng.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	2.700.000.000	3.600.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	5.662.744.784	5.662.744.784
Trên 5 năm	47.400.000.000	
Cộng	55.762.744.784	9.262.744.784

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

	Quý này Năm nay	Quý này Năm trước
Số đầu năm	5.662.744.784	9.262.744.784
Số tiền vay phát sinh	47.400.000.000	
Số cuối năm	53.062.744.784	9.262.744.784

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

18. Dự phòng phải trả

18a. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến bảo hành công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	4.708.562.688
Tăng do trích lập	
Số hoàn nhập	
Số cuối năm	4.708.562.688

18b. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng nợ phải trả dài hạn liên quan đến bảo hành công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	38.733.349.513
Tăng do trích lập	3.381.669.572
Số cuối năm	42.115.019.085

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	689.597.117		(163.400.000)	526.197.117
Quỹ phúc lợi	979.784.137		(77.000.000)	902.784.137
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-			-
Cộng	1.669.381.254		(240.400.000)	1.428.981.254

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	115.531.050.000	34.366.527.623	67.247.066.956	85.726.661.247	302.871.305.826
Lợi nhuận trong năm trước				51.572.648.062	51.572.648.062
Trích lập các quỹ			60.405.918.023	(62.620.451.247)	(2.214.533.224)
Chia cổ tức năm trước				(23.106.210.000)	(23.106.210.000)
Tạm ứng cổ tức năm nay				(11.553.105.000)	(11.553.105.000)
Số dư cuối năm nay	115.531.050.000	34.366.527.623	127.652.984.979	40.019.543.062	317.570.105.664
Số dư đầu năm nay	115.531.050.000	34.366.527.623	127.652.984.979	40.019.543.062	317.570.105.664
Lợi nhuận trong năm nay				2.820.243.999	2.820.243.999

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Trích lập các quỹ					
Chia cổ tức năm trước					
Tạm ứng cổ tức năm nay					
Số dư cuối năm nay	115.531.050.000	34.366.527.623	127.652.984.979	42.839.787.061	320.390.349.663

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước (Tổng Công ty Sông Đà)	31.030.000.000	31.030.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	84.501.050.000	84.501.050.000
Thặng dư vốn cổ phần	34.366.527.623	34.366.527.623
Cộng	149.897.577.623	149.897.577.623

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

20c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	11.553.105	11.553.105
- Cổ phiếu phổ thông	11.553.105	11.553.105
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.553.105	11.553.105
- Cổ phiếu phổ thông	11.553.105	11.553.105
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

20d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty chưa phân phối tiếp phần lợi nhuận còn lại sau khi đã tạm ứng 10% lần 1 vào đầu năm 2017

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 95,76 USD (số đầu năm là 95,76 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Quý này Năm nay</u>	<u>Quý này Năm trước</u>
Doanh thu bán điện thương phẩm	8.981.537.565	9.574.566.975
Doanh thu hợp đồng xây dựng	75.707.667.459	196.588.031.440
Doanh thu hoạt động kinh doanh khác	7.918.025.548	446.353.528
Cộng	<u>92.607.230.572</u>	<u>210.625.951.943</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:

	<u>Quý này Năm nay</u>	<u>Quý này Năm trước</u>
Tổng Công ty Sông Đà		
Doanh thu xây lắp thực hiện		

2. Giá vốn hàng bán

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Quý này Năm nay	Quý này Năm trước
Giá vốn bán điện thương phẩm	1.759.049.029	2.465.366.857
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	64.404.246.502	183.432.443.377
Giá vốn của hoạt động kinh doanh khác	3.663.209.228	5.110.363.710
Cộng	69.826.504.759	191.008.173.944
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Quý này Năm nay	Quý này Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	203.771.942	656.554.921
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	991.926.667	
Lãi tiền cho vay	286.363.200	
Cổ tức, lợi nhuận được chia	714.627.777	
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	6.227	
Phí bảo lãnh	69.651.834	162.312.717
Cộng	2.266.347.647	818.867.638
4. Chi phí tài chính		
	Quý này Năm nay	Quý này Năm trước
Chi phí lãi vay	2.553.762.034	1.340.372.779
Phí bảo lãnh	975.928.178	781.739.935
Phí cam kết tín dụng	2.840.000	
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư	3.552.241.198	6.422.036.244
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh		
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		
Cộng	7.084.771.410	8.544.148.958
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Quý này Năm nay	Quý này Năm trước
Chi phí cho nhân viên	6.174.011.287	5.861.065.289
Chi phí vật liệu quản lý	379.378.024	414.509.818
Chi phí đồ dùng văn phòng	85.272.920	50.797.137
Chi phí khấu hao tài sản cố định	484.636.894	140.999.223
Thuế, phí và lệ phí	94.357.981	265.763.571
Dự phòng phải thu khó đòi	5.618.550.544	(412.820.400)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	722.411.390	722.521.473
Các chi phí khác	1.554.863.747	1.777.404.383
Cộng	15.113.482.787	8.820.240.494

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Thu nhập khác

	Quý này Năm nay	Quý này Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình xây dựng		
Tiền bán vật tư		
Tiền bán điện		
Thu nhập khác		137.595.454
Cộng		137.595.454

7. Chi phí khác

	Quý này Năm nay	Quý này Năm trước
Tiền phạt chậm nộp BHXH, phạt thuế	23.990.528	198.791.514
Thuế GTGT không được khấu trừ		
Phạt chậm tiến độ theo hợp đồng		
Xử lý công nợ		
Xử lý vật tư bị mất		
Chi phí khác	4.584.736	115.956.813
Cộng	28.575.264	314.748.327

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Quý này Năm nay	Quý này Năm trước
Tiền lương, thưởng	619.519.061	552.872.727
Phụ cấp	48.000.000	48.000.000
Cộng	667.519.061	600.872.727

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác

Mối quan hệ

Tổng công ty Sông Đà	Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bùng	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Gle	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa	Công ty con
Các công ty con của Tổng công ty Sông Đà	Công ty con của Cổ đông lớn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Quý này Năm nay	Quý này Năm trước
Tổng công ty Sông Đà		
Chi phí dịch vụ		
Tiền lãi vay phải trả		
Giá trị bán tài sản trên đất	1.604.545.455	
Phí bảo lãnh phải trả cơ quan Công ty		
Dịch vụ do BĐH dự án Thủy điện Lai Châu cung cấp		
Công ty Cổ phần Sông Đà 12		
Chi phí hoạt động xây dựng	963.771.459	
Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Sông Đà		
Chi phí xây lắp		
Công ty Cổ phần Sông Đà 3		
Doanh thu xây lắp thực hiện	3.105.772.031	

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6, V.12 và V.16.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc bù trừ công nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Xây lắp: Thực hiện thi công các công trình điện.
- Lĩnh vực khác: Bán điện thương phẩm, cung cấp điện nước tại các công trình, kinh doanh bán đá và cung cấp các dịch vụ khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực khác	Cộng
Quý này Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	75.707.667.459	16.899.563.113	92.607.230.572
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	75.707.667.459	16.899.563.113	92.607.230.572
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	11.303.420.957	11.477.304.856	22.780.725.813
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(15.113.482.787)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			7.667.243.026
Doanh thu hoạt động tài chính			2.266.347.647
Chi phí tài chính			(7.084.771.410)
Thu nhập khác			-
Chi phí khác			(28.575.264)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			2.820.243.999
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.099.637.712	468.683.836	2.568.321.548
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	10.261.807.432	2.290.653.882	12.552.461.314
Quý này Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	196.588.031.440	14.037.920.503	210.625.951.943
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp			

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Lĩnh vực xây lắp</u>	<u>Lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	196.588.031.440	14.037.920.503	210.625.951.943
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	13.155.588.063	6.462.189.936	19.617.777.999
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			-8.820.240.494
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			10.797.537.505
Doanh thu hoạt động tài chính			818.867.638
Chi phí tài chính			-8.544.148.958
Thu nhập khác			137.595.454
Chi phí khác			-314.748.327
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			2.895.103.312

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Lĩnh vực xây lắp</u>	<u>Lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	317.416.152.240	50.308.448.433	367.724.600.673
Tài sản phân bổ cho bộ phận			
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			447.879.670.598
Tổng tài sản			815.604.271.271
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	182.132.231.039	44.494.612.144	226.626.843.183
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			268.587.078.425
Tổng nợ phải trả			495.213.921.608
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	323.229.056.210	53.976.137.735	377.205.193.945
Tài sản phân bổ cho bộ phận			
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			367.937.375.886
Tổng tài sản			745.142.569.831
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	263.443.576.816	37.877.475.149	301.321.051.965
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			140.950.212.040
Tổng nợ phải trả			442.271.264.005

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<u>Quý này Năm nay</u>	<u>Quý này Năm trước</u>
Khu vực trong nước	92.607.230.572	210.625.951.943
Khu vực nước ngoài	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Quý này Năm nay	Quý này Năm trước
Cộng	92.607.230.572	210.625.951.943

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng, cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách tìm hiểu kỹ thông tin về tình hình tài chính trước khi giao dịch với khách hàng. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho các công ty con vay tiền. Các Công ty này hoạt động có hiệu quả và Công ty kiểm soát được khả năng thanh toán. Vì vậy rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn và bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	181.315.259.362			181.315.259.362
Chứng khoán kinh doanh	-	14.476.266.000		14.476.266.000
Phải thu khách hàng	160.829.992.294		36.719.443.786	197.549.436.080
Các khoản cho vay	9.250.000.000			9.250.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn và bị giảm giá	Cộng
Các khoản phải thu khác	14.966.925.313		695.750.000	15.662.675.313
Cộng	366.362.176.969	14.476.266.000	37.415.193.786	418.253.636.755
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	170.531.208.177			170.531.208.177
Chứng khoán kinh doanh		17.749.000.000		17.749.000.000
Phải thu khách hàng	195.729.599.049		27.805.529.802	223.535.128.851
Các khoản cho vay	14.012.000.000			14.012.000.000
Các khoản phải thu khác	4.805.927.196			4.805.927.196
Cộng	385.078.734.422	17.749.000.000	27.805.529.802	430.633.264.224

3b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm	Cộng
Số cuối năm			
Vay và nợ	190.471.570.685	53.062.744.784	243.534.315.469
Phải trả người bán	69.442.419.660	7.783.336.738	77.225.756.398
Các khoản phải trả khác	12.511.535.229	42.115.019.085	54.626.554.314
Cộng	272.425.525.574	102.961.100.607	375.386.626.181
Số đầu năm			
Vay và nợ	88.785.167.694	9.262.744.784	98.047.912.478
Phải trả người bán	113.523.382.704	18.907.698.712	132.431.081.416
Các khoản phải trả khác	41.931.050.571		41.931.050.571
Cộng	244.574.686.385	28.170.443.496	272.410.044.465

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

3c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá nguyên vật liệu

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm (USD)	Số đầu năm (USD)
Tiền và các khoản tương đương tiền	95,76	95,76
Các khoản phải trả khác		
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	95,76	95,76

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Tiền và các khoản tương đương tiền	170.000.000.000	60.000.000.000
Các khoản cho vay	9.250.000.000	500.000.000
Vay và nợ	(243.534.315.469)	(199.444.024.999)
Nợ phải trả thuần	(64.284.315.469)	(138.944.024.999)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 2.223.104.400 VND (cùng kỳ năm trước là không đáng kể).

Rủi ro về giá chứng khoán

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính là 6.861.508.000 VND (số đầu năm là 5.833.610.000 VND).

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.

3d. *Tài sản đảm bảo*

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. *Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính*

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	181.315.259.362	-	168.376.737.626	-
Chứng khoán kinh doanh	14.476.266.000	(1.930.459.635)	14.476.266.000	(1.930.459.635)
Phải thu khách hàng	197.549.436.080	(37.168.818.064)	211.073.049.285	(31.550.267.520)
Các khoản cho vay	9.250.000.000	-	500.000.000	-
Phải thu khác	15.662.675.313	-	23.356.741.438	(695.750.000)
Cộng	418.253.636.755	(39.099.277.699)	417.782.794.349	(34.176.477.155)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	243.534.315.469	199.444.024.999
Phải trả người bán	77.225.756.398	60.930.969.170
Các khoản phải trả khác	54.626.554.314	69.004.068.671
Cộng	375.386.626.181	329.379.062.840

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Người lập biểu

Phạm Thị Dung

Kế toán trưởng

Trần Văn Ngự

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2017



Lê Văn Tuấn